TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 93/2021/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Mỹ Hào, ngày 16 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 2 Điều 149; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Th□ờng vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* ***Người yêu cầu:*** Chị Sý Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1996.

2. Cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 26/11/2018.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sý Thị N và anh Nguyễn Bá V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã M, tỉnh H năm 2019 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu là chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh V đều có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào năm 2019 và liên tục cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, hai bên không tìm

được tiếng nói chung nên vợ chồng rất nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, dẫn đến ly thân từ cuối tháng 12 năm 2019, mỗi người sống một nơi, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và anh chị đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực trạng hôn nhân vợ chồng nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn này theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 26/11/2018. Chị N và anh V thoả thuận anh V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H đến khi thành niên và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của cháu H khi anh chị ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị N và anh V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị N và anh V thỏa thuận là chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sý Thị N và anh Nguyễn Bá V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Sý Thị N và anh Nguyễn Bá V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 26/11/2018. Anh chị thỏa thuận giao cháu H cho anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai đ□ợc cản trở chị N thực hiện quyền này.

Anh V và chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị N và anh V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị N và anh V thỏa thuận là chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã naộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004467 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Chị N đã nộp xong lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Nhân Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Nam Thắng